

Bản án số: 05/2018/HSST

Ngày: 06 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Phượng - Cán bộ hưu trí

2. Ông Trịnh Văn Trí - Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Văn Lãng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lãng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Lệ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 11/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

* **Âu Văn T**; tên gọi khác: Không, sinh ngày 09 tháng 03 năm 2000, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Âu Văn S và bà Triệu Thị X; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/10/2017. Có mặt.

* **Lý Văn T**; tên gọi khác: T, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1986, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Quốc L (tên gọi khác: Lý Viết L) và bà Trương Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2017. Có mặt.

* **Chu Văn N**; tên gọi khác: Không, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1991, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn A và bà Hoàng Thị T; vợ,

con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2017. Có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Âu Văn T: Ông Âu Văn S, sinh năm 1978, là bố đẻ của bị cáo. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Âu Văn T: Bà Lê Thị L- Luật sư chỉ định Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn và Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người chứng kiến: Anh Vương Chí N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/10/2017 các bị cáo Âu Văn T, Chu Văn N, Lý Văn T (là những đối tượng nghiện hút chất ma túy) bàn bạc cùng nhau góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, T góp 100.000 đồng, N góp 200.000 đồng đưa cho T. T là người trực tiếp cầm 300.000 đồng đi mua ma túy thì bị Tổ công tác Công an huyện V đang làm nhiệm vụ tại khu vực đường mòn L thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ 05 gói giấy bên trong chứa chất ma túy Heroine có tổng trọng lượng 0,370 gam (đã trừ bì).

Tang vật, tài sản thu giữ gồm: 03 gói giấy vàng đục bên trong có chứa chất bột màu trắng và 02 gói giấy màu tím bên trong đều chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy (đã được niêm phong); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng - vàng kèm 01 sim Viettel. Khi thấy lực lượng Công an bắt quả tang đối với Âu Văn T, N đứng ở khu vực đó liền bỏ đi.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Âu Văn T tại thôn K, xã T, huyện V, kết quả thu giữ: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Âu Văn T.

Tại kết luận giám định số 355/KL- PC54 ngày 16/10/2017 của Phòng KTHS Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất bột màu trắng có trong 05 (năm) gói giấy gửi giám định đều là chất ma túy Heroine, có tổng trọng lượng 0,370 gam.

Ngày 12/12/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Chu Văn N và Lý Văn T với vai trò đồng phạm với Âu Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 194 BLHS 1999.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Âu Văn T, Chu Văn N, Lý Văn T đều khai nhận được cùng nhau góp tiền, Nam góp 200.000 đồng, Tuấn góp 100.000 đồng, Toàn là người khởi xướng và cũng là người trực tiếp cầm 300.000 đồng đi mua ma túy. Mục đích mua về để sử dụng chung, vì cả ba người đều nghiện hút chất ma

túy. Khi mọi người góp tiền mua ma túy, có Đàm Văn Q đang nằm ngủ ở trên giường, không được tham gia, bàn bạc góp tiền đi mua ma túy.

Đàm Văn Q khai: Khoảng 13 giờ ngày 13/10/2017 Q cùng Chu Văn N bắt xe khách từ T vào phòng trọ của K chơi (Khôi không ở phòng). Khi đến phòng trọ, Quyết thấy có T và Tuấn đang ở đấy. Do trước đó đã uống rượu nên Q vào giường ngủ nên không rõ T, T, N bàn bạc việc đi mua ma túy như thế nào.

Đối với người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) đã bán ma túy cho Âu Văn T trên đồi cao ngày 13/10/2017, do không rõ lai lịch, địa chỉ nên không đủ điều kiện xác minh làm rõ được.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đó truy tố bị cáo Âu Văn T, bị cáo Lý Văn T và bị cáo Chu Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Âu Văn T, Chu Văn N, Lý Văn T đã khai nhận nhận toàn bộ hành vi phạm tội của của mình, như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo Âu Văn T, Chu Văn N, Lý Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo.

Về hình phạt: Vận dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53, Điều 69, 74 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 101, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Âu Văn T từ 12 đến 16 tháng tù giam, do bị cáo khi phạm tội là vị thành niên do đề nghị mức án tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá $\frac{3}{4}$ mức phạt tù mà điều luật quy định, Do vậy, đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 09 đến 12 tháng tù giam.

Vận dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Chu Văn N từ 01 đến 02 năm tù giam.

Vận dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lý Văn T (tên gọi khác: T) từ 01 đến 02 năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản gì, bản thân nghiện ma túy sống phụ thuộc vào gia đình. Do vậy, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Vận dụng điểm a khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong ghi chữ “QT Âu Văn T” (cũ) có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong phong bì có: 0,282 gam Heroine và toàn bộ vỏ gói. Đây là vật Nhà nước cấm lưu hành.

Trả lại cho bị cáo Âu Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng, số Imei: 359253064371992, có sim số điện thoại: 0976.770.431; 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân số 082344867 mang tên Âu Văn T. Đây là vật và là giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Âu Văn T và Lý Văn T đề nghị các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo cụ thể:

Vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội.

Bị cáo Âu Văn T khi phạm tội bị cáo đang ở tuổi vị thành niên, thật thà khai báo, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng Nghị quyết số 41 quy định có lợi cho người phạm tội áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 101, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Bị cáo Lý Văn T thật thà khai báo, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo đều là người nghiện, sống phụ thuộc vào gia đình, sinh sống tại xã Biên giới.

Về phần vật chứng: Nhất trí với việc đề nghị xử lý vật chứng của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Âu Văn T, bị cáo Lý Văn T và bị cáo Chu Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: ngày 13/10/2017 bị cáo N và bị cáo Âu Văn T góp tiền đưa cho bị cáo Lý Văn T đi mua ma túy. Hành vi góp tiền đi mua ma túy về sử dụng chung của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999.

[3] Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng đã truy tố bị cáo Âu Văn T bị cáo Lý Văn T và bị cáo Chu Văn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tuy nhiên, khi xét xử các vụ án hình sự thuộc các trường hợp “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành được quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13. Tòa án vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều luật theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức Cơ quan Điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

Cụ thể: Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “*Người nào tàng trữ vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*” còn theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c, Hêrôin... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”. Do vậy, khi điều tra, truy tố, xét xử phải áp dụng Điều luật có lợi trên cho các bị cáo.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi của các bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây nguy hại đến trật tự, an ninh xã hội. Ma túy là các hỗn hợp chất hoá học, có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp nhân tạo, gây kích thích hoặc ức chế thần kinh. Khi ma túy xâm nhập vào cơ thể, có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức và trí tuệ, khiến con người bị lệ thuộc vào nó. Ma túy không chỉ huỷ hoại sức khoẻ mà còn làm suy thoái nòi giống, tàn phá phẩm giá và nhân cách của con người. Hành vi của bị cáo gây hoang mang cho gia đình và xã hội; gây mất trật tự khu vực dân cư, ảnh hưởng đến tình hình trật tự

an ninh trong khu vực vực, mặc dù bị cáo biết hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có ma túy sử dụng cho bản thân các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện. Do đó, cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo cần xem xét về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cụ thể:

[7] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này có vai trò đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Âu Văn T là người chủ mưu, khởi sự và đi mua ma túy; bị cáo Lý Văn T và bị cáo Chu Văn N là người góp tiền đưa cho bị cáo Âu Văn T đi mua ma túy.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra bị cáo Âu Văn T khi phạm tội bị cáo được được 17 (mười bảy) tuổi 07 (bảy) tháng 04 (bốn) ngày trong độ tuổi vị thành niên nên bị cáo suy nghĩ chưa được chín chắn như người trưởng thành nên khi áp dụng hình phạt cần áp dụng các quy định về người chưa thành niên để xét xử.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Ngoài ra bị cáo Lý Văn T (tên gọi khác: Tấn) có bố là ông Lý Quốc L (tên gọi khác: Lý Viết L) có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[10] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[11] Hội đồng xét xử sau khi cân nhắc xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, tuy nhiên cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo để từ đó các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành những người có ích cho xã hội.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo hiện là người nghiện ma túy, không có tài sản gì sống phụ thuộc bố mẹ và sinh sống tại xã Biên giới. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Đối với người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) đã bán ma túy cho Âu Văn T trên đồi cao ngày 13/10/2017 do không rõ lai lịch, địa chỉ. Cơ quan điều tra không đủ điều kiện xác minh làm rõ được. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Về xử lý vật chứng: Vận dụng điểm a khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

[15] Đối với 01 (một) phong bì niêm phong ghi chữ “QT Âu Văn T” (cũ) có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong phong bì có: 0,282 gam Heroine và toàn bộ vỏ gói. Đây là vật Nhà nước cấm lưu hành. Tịch thu tiêu hủy.

[16] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng, số Imei: 359253064371992, có sim số điện thoại: 0976.770.431; 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân số 082344867 mang tên Âu Văn T. Đây là vật và là giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Âu Văn T.

[17] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát, Luật sư, trợ giúp viên pháp lý đề nghị mức án đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị về xử lý vật chứng, án phí là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo, luật sư, người bào chữa cho bị cáo Âu Văn T, đại diện hợp pháp của bị cáo Âu Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Âu Văn T, bị cáo Lý Văn T (tên gọi khác: T) và bị cáo Chu Văn N phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Vận dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 101, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Âu Văn T 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/10/2017.

Vận dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lý Văn T (tên gọi khác: T) 20 (hai mươi) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2017.

Vận dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Chu Văn N 24 (hai mươi tư) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2017.

2. Xử lý vật chứng: Vận dụng điểm a khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong ghi chữ “QT Âu Văn T” (cũ) có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong phong bì có: 0,282 gam Heroine và toàn bộ vỏ gói.

Trả lại cho bị cáo Âu Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng, số Imei: 359253064371992, có sim số điện thoại: 0976.770.431; 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân số 082344867 mang tên Âu Văn T.

3. Về án phí: Vận dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, khoản 1 Điều 22, Điều 24 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Âu Văn T, Lý Văn T (tên gọi khác: T) và Chu Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Âu Văn T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Âu Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Văn Lãng (1b);
- Công an huyện Văn Lãng (3b);
- Chi cục THA dân sự huyện Văn Lãng (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Các bị cáo (3b);
- Người ĐDHP (1b);
- Luật sư, trợ giúp viên (2b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Thị Hà